

Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thời Covid-19

PHẠM QUỐC HẢI * & LÊ MINH ANH

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

Nhận bài: 19/07/2022 - Duyệt đăng: 15/10/2022

(*) Liên hệ: haipq@uef.edu.vn; ĐT: 0902312348

Tóm tắt:

Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên dưới tác động của đại dịch covid-19. Nghiên cứu định lượng được tiến hành để xác và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên bằng hồi quy tuyến tính đa biến. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ khảo sát bằng câu hỏi với 343 sinh viên đã và đang theo học tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM. Kết quả nghiên cứu chỉ ra bảy nhân tố ảnh hưởng tích cực đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên theo mức độ giảm dần là: Thái độ khởi nghiệp, đặc điểm tính cách, chính sách hỗ trợ của Chính phủ, môi trường giáo dục, quy chuẩn chủ quan, nguồn vốn và nhận thức kiểm soát hành vi. Từ đó, tự tin về tính khả thi tác động tới ý định khởi nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu kể trên, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên trong thời gian sắp tới.

Từ khóa: Khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp, hành vi khởi nghiệp, sinh viên đại học.

Abstract:

The study aims to determine “Factors affecting entrepreneurship intentions of University of Economics and Finance students during the Covid-19 period”. Quantitative research was used to form the official research model, scale and test the scale’s reliability, measure the impact of factors on entrepreneurial intention through the multivariate linear regression analysis. Research data is collected from online survey results with questionnaires with 343 students of University of Economics and Finance. Study results indicated that the level of diminishing influence was sorting seven factors: attitude towards entrepreneurial behavior; personality characteristics, government support policy, educational environment, subjective norm, capital and perceived behavioral control. Then, the confidence will directly affects the entrepreneurial intention. From the research results, the author proposes managerial implications to improve the entrepreneurial intention of students of University of Economics and Finance.

Keywords: Entrepreneurship, entrepreneurship intentions, entrepreneurial behavior, university students.

1. Tổng quan

Hiện nay, khởi nghiệp dần được xem như một định hướng chiến lược quan trọng của hầu hết các quốc gia trên thế giới và hiện nay VN cũng không ngoại lệ. Một số kết luận từ các nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng có mối quan hệ chặt chẽ giữa khởi nghiệp

kinh doanh với tăng trưởng kinh tế vùng và địa phương. Ở VN, vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng được xã hội công nhận và đánh giá cao thông qua việc đóng góp đáng kể vào nền kinh tế của đất nước. Theo chia sẻ của ông Mạc Quốc Anh - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư

ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội: “Hàng năm, các doanh nghiệp SME đóng góp khoảng 40% GDP, nộp ngân sách nhà nước 30%, đóng góp giá trị sản lượng công nghiệp 33%, giá trị hàng hóa xuất khẩu 30% và thu hút gần 60% lao động, góp phần quan trọng vào sự phát

triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập quốc tế của VN” (Vũ Long, 2022). Chính vì lẽ đó VN đã dành nhiều chính sách hỗ trợ và nỗ lực để thúc đẩy việc khởi nghiệp kinh doanh, bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã nhận thức được tầm quan trọng của định hướng tinh thần doanh nhân cho sinh viên và giới trẻ VN - nhân tố chính trong công cuộc xây dựng nền kinh tế VN năng động và bền vững. Nhiều chính sách khuyến khích khởi nghiệp đối với thanh niên đã được Chính phủ ban hành, trong đó đặc biệt chú trọng đến đối tượng sinh viên khởi nghiệp, điển hình là đề án 1665: “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định ban hành vào năm 2017. Ngoài ra, còn hàng loạt các chương trình, các câu lạc bộ được hình thành nhằm hỗ trợ, khuyến khích người dân, thanh niên và sinh viên khởi nghiệp đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 tác động nghiêm trọng tới kinh tế cả thế giới trong đó có VN. Có thể nói, sinh viên với sự trẻ trung, năng động với những nguồn ý tưởng đa dạng, mới lạ sẽ là các yếu tố tiềm năng giúp đất nước ngày càng phát triển về sau này. Tuy nhiên, trên thực tế, các ý tưởng kinh doanh của các bạn sinh viên chỉ dừng lại ở mức ý tưởng (Phương Nga, 2021). Theo khảo sát của VCCI (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN), có đến 66,7% sinh viên VN hiện nay không biết đến các hoạt động khởi nghiệp, thậm chí có đến 62% sinh viên cho rằng các hoạt động khởi nghiệp ngày nay chỉ là hình thức, phong trào, không mang lại quá nhiều

hiệu quả. Tuy nhiên trong khảo sát lại có đến trên 80% sinh viên cho rằng bản thân có khả năng kinh doanh và có ý định tham gia các hoạt động kinh doanh sau khi tốt nghiệp. Điều này cho thấy các bạn sinh viên vẫn có mong muốn tạo dựng sự nghiệp cho bản thân nhưng các yếu tố tác động chính vẫn làm các bạn chần chừ dẫn đến tỷ lệ thực làm vẫn còn rất thấp. Từ đó dẫn đến việc thực hiện nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên là rất cần thiết đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19.

Khởi nghiệp kinh doanh luôn được xem là một hoạt động phức tạp với sự kết hợp của nhiều kiến thức phạm trù khác nhau, điển hình như nhận biết và đánh giá thời cơ, tìm kiếm và sử dụng nguồn nhân lực hay quản trị doanh nghiệp. Lowell trong nghiên cứu của mình đã kết luận rằng: “Chúng ta biết rất ít về lý do tại sao người ta lại khởi sự kinh doanh, các nhân tố ủng hộ, ngăn cản việc khởi sự kinh doanh” (Lowell, 2003). Đây là lĩnh vực nghiên cứu rất có ý nghĩa thực tiễn giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục có cái nhìn sát với thực tế từ đó hình thành các giải pháp, chính sách tác động phù hợp nhằm phát triển hệ thống doanh nghiệp, phát triển kinh tế. Mà theo đánh giá của các chuyên gia thì ý định chính là tiền đề đề câu chuyện khởi nghiệp được tiến hành do đó việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp là rất quan trọng. Ngoài ra những yếu tố khác như kỹ năng sống, kỹ năng ngôn ngữ hay môi trường xung quanh cũng

tác động rất lớn tới các bạn trẻ. Năm bắt được những sự thiết yếu đó, ngày nay, hầu hết các trường đại học đều có những môn học bổ sung để nâng cao kỹ năng cần thiết cho sinh viên. Thế nhưng, theo các số liệu cho thấy, các trường đại học công lập vẫn đề cao lý thuyết hơn sự thực hành hay trải nghiệm thực tế (Đức Trung, 2018), vô tình làm giảm nhận thức về khởi nghiệp ở sinh viên dẫn đến tình trạng mơ hồ, mất phương hướng khi có ý định khởi nghiệp do không có sự trải nghiệm từ thực tiễn. Trái lại, các trường đại học dân lập nói chung hay Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF) nói riêng, việc tạo điều kiện để sinh viên trau dồi và nâng cao các kỹ năng mềm luôn được chú trọng. Ngoài ra, các trường dân lập thường có mối quan hệ thân thiết với các doanh nghiệp lớn, do đó, trong quá trình học tập, các bạn sinh viên đã có thể tiếp cận với môi trường làm việc thực tế sớm và xác định được hướng phát triển nghề nghiệp bản thân. Mặt khác, đa số các bạn sinh viên trường “tư” đều có điều kiện tài chính và nền tảng gia đình khá tốt để tác động đến ý định khởi nghiệp hơn sinh viên các trường trong cùng thành phố. Thế nhưng hiện nay cơ sở lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên tại các trường tư như Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF) trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 vẫn còn rất hạn chế. Do đó, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thời Covid-19 trường hợp tại UEF là cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết

Trong nghiên cứu này sẽ sử

dụng quan điểm của Koe và ctg (2012) về khởi nghiệp. Koe và cộng sự cho rằng Khởi nghiệp là sự tạo dựng một công việc kinh doanh mới hay thành lập một doanh nghiệp mới thông qua những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, nhận diện và tận dụng được các cơ hội để đạt được sự hài lòng trong việc kinh doanh. Ý định khởi nghiệp là trạng thái của tâm trí trong việc sẵn sàng thực hiện tự kinh doanh, tự tạo việc làm hoặc thành lập doanh nghiệp mới. Quan điểm này dễ hiểu và sự tương đồng với các quan điểm khởi nghiệp trước đó (Koe và ctg, 2012).

2.1. Đặc điểm tính cách

Là những mô thức thường xuyên của hành vi, suy nghĩ hay cảm xúc, là những đặc điểm có tính bền vững thể hiện sự khác biệt trong tư tưởng hay cách cư xử của mỗi cá nhân khi được đặt trong các tình huống giống nhau (Nguyễn Văn Định và cộng sự, 2020). Theo chiều dài lịch sử của các hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và các nghiên cứu về ý định khởi nghiệp nói riêng, đã có rất nhiều kết quả khẳng định việc các cá nhân sở hữu các đặc điểm tính cách khác nhau vẫn có những hành động giống nhau hoặc ngược lại. Ở VN cũng có rất nhiều nghiên cứu lựa chọn nhân tố này để khảo sát vì tính quan trọng của nó khi ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành ý định khởi nghiệp như nghiên cứu của Võ Văn Hiền và Lê Hoàng Vân Trang (2020) hay nghiên cứu của Nguyễn Văn Định và Cộng sự (2020) đã kết luận đặc điểm tính cách có tác động đến sự tự tin hình thành ý định khởi nghiệp. Từ vai trò quan trọng của đặc

điểm tính cách lên ý định khởi nghiệp cũng như kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, có thể nhận thấy rằng việc đưa nhân tố này vào khảo sát trong nghiên cứu này là hoàn toàn cần thiết.

Giả thuyết 1: Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.2. Thái độ đối với hành vi

Thái độ đối với hành vi là sự đánh giá tích cực hay tiêu cực, ủng hộ hay phản đối của một người có dự định đối với hành vi kinh doanh mà họ hướng tới (Ajzen, 1991). Rất nhiều nghiên cứu trước đây đã sự ảnh hưởng mạnh mẽ của thái độ đối với hành vi lên ý định khởi nghiệp như nghiên cứu của Linan và Chen (2009), nghiên cứu của Autio và cộng sự (2001), nghiên cứu của Paco và cộng sự (2011), nghiên cứu của Karali (2013), nghiên cứu của Phan và Tran (2017) hay nghiên cứu của Phan và Trac (2020) đều xác nhận các tác động tích cực của thái độ đối với hành vi lên quá trình hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên hầu hết các nghiên cứu chỉ xem xét ở khía cạnh cá nhân riêng nghiên cứu của Carayannis và cộng sự (2003) đã bổ sung thêm khía cạnh có lợi cho xã hội khi là doanh nhân. Việc bổ sung thêm khía cạnh xã hội hoàn toàn phù hợp với môi trường kinh doanh ở VN khi nước ta luôn đề cao tinh thần tương thân tương ái, một người vì mọi người. Do đó, nghiên cứu sẽ tiến hành khảo sát dựa trên việc kế thừa các ý kiến của các nghiên cứu trên để làm rõ hơn việc ảnh hưởng của thái độ đối với hành vi đến sự tự

tin trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Giả thuyết 2: Thái độ đối với hành vi có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.3. Nhận thức kiểm soát hành vi

Theo Ajzen (1991), nhận thức kiểm soát hành vi được định nghĩa là quan điểm của cá nhân về sự dễ dàng hay khó khăn trong việc thực hiện hành vi, nó có liên quan đến những kinh nghiệm trong quá khứ và những dự đoán về trở ngại trong tương lai. Có rất nhiều nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên như nghiên cứu Kenya và cộng sự (2014). Ở VN cũng có rất nhiều nghiên cứu lựa chọn nhân tố này để khảo sát vì tính quan trọng của nó khi ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành ý định khởi nghiệp như nghiên cứu của Le và Nguyen (2016), Phan và Tran (2017), Chau và Huynh (2020). Do đó, nghiên cứu cũng sẽ tiến hành khảo sát dựa trên việc kế thừa các ý kiến của các nghiên cứu trên để làm rõ hơn việc ảnh hưởng của nhận thức kiểm soát hành vi đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Giả thuyết 3: Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.4. Môi trường giáo dục

Các hoạt động tại môi trường giáo dục đang ngày càng có vai trò quan trọng và có các ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển ý định khởi nghiệp ở nhiều quốc

gia. Nó là sự can thiệp có mục đích của các nhà giáo dục trong việc truyền đạt những kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để người học có thể tồn tại trong thế giới kinh doanh (Isaacs & Cộng sự, 2007; Ooi & Cộng sự, 2011). Theo Askun và Yildirim (2011), các khoá học về khởi nghiệp có ảnh hưởng lớn đến ý định khởi nghiệp của sinh viên (Askun và Yildirim, 2011). Ở VN cũng có rất nhiều nghiên cứu lựa chọn nhân tố này để khảo sát vì tính quan trọng của nó khi ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành ý định khởi nghiệp như nghiên cứu của Võ Văn Hiền và Lê Hoàng Vân Trang (2020), nghiên cứu Nguyễn Văn Định và Cộng sự (2020) hay nghiên cứu của Đỗ Hoàng Phương Nhi và Đào Trang Nhung (2021). Các yếu tố trên đều có tác động to lớn trong việc khuyến khích sinh viên hình thành ý định khởi nghiệp bởi vì nó được xem như là nền tảng tạo ra sự tự tin cho sinh viên thực hiện hành vi của mình.

Giả thuyết 4: Môi trường giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.5. Quy chuẩn chủ quan

Trong mô hình lý thuyết của mình, Ajzen đã định nghĩa chuẩn chủ quan là những áp lực xã hội đến từ những yếu tố như gia đình, bạn bè, người thân,... ngoài ra, nó cũng có thể là những chuẩn mực đạo đức, văn hoá truyền thống của dân tộc. Hoàn cảnh, quy tắc và chuẩn mực xã hội chính là những yếu tố định hướng và thúc đẩy hành động của con người (Coleman, 1998). Các nghiên cứu khác điển hình

như Kolvereid và Isaksen (2006), Le và Nguyen (2019), Chau và Huynh (2020) đều đồng tình rằng quy chuẩn chủ quan thật sự là một trong những yếu tố có tác động nhiều nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn có vài nghiên cứu đưa ra kết luận trái ngược với các tác giả trên. Điển hình với nói đến nghiên cứu của Krueger và cộng sự vào năm 2000 nghiên cứu của Reynolds và Miller (1992) cũng như nghiên cứu của Linan và Chen (2009) đều có kết luận rằng quy chuẩn chủ quan không có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Từ sự quan trọng của quy chuẩn chủ quan lên ý định khởi nghiệp cũng như kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước đi trước, có thể nhận thấy rằng yếu tố này việc đưa nhân tố này vào khảo sát trong nghiên cứu này là hoàn toàn cần thiết.

Giả thuyết 5: Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.6. Nguồn vốn

Nguồn vốn là một khía cạnh hay 1 đặc điểm kinh tế (Mazzarol và Cộng sự, 1999) có thể hiểu đơn giản là tổng số tiền một người có thể chi ra cho hoạt động khởi nghiệp. Nói chung, nguồn vốn chính là huyết mạch của việc khởi nghiệp, nó được ví như “xương sống” của việc kinh doanh, nó có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành ý tưởng khởi nghiệp (Grundsten, 2004). Nếu quá trình gây dựng và tích lũy nguồn vốn thuận lợi thì nó sẽ làm tăng xác suất khởi nghiệp của sinh viên và ngược lại nó sẽ là hòn đá cản bước của rất

nhiều bạn trẻ (Kirkwood, 2009). Tầm quan trọng của nguồn vốn cũng đó được khẳng định trong rất nhiều nghiên cứu về ý định khởi nghiệp từ trong ra ngoài nước, điển hình như các nghiên cứu của Wongnaa và Seyram (2014), Haris và cộng sự (2016) hay nghiên cứu của Le (2007), Truong và Nguyen (2019). Do đó có thể nhận thấy rằng việc đưa nhân tố nguồn vốn này vào khảo sát trong nghiên cứu này là hoàn toàn cần thiết.

Giả thuyết 6: Nguồn vốn có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.7. Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ

Trên thực tế, khởi nghiệp kinh doanh được đánh giá là hành trình trường kì, có thể phải mất hàng năm phát triển nó (Wong và Choo, 2006) do đó có thể nói các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ từ mặt luật pháp đến tài chính luôn là vấn đề được xã hội nói chung và các cá nhân có ý định khởi nghiệp nói riêng quan tâm. Vào năm 2014, trong nghiên cứu của mình cùng các cộng sự, Mahammad đã nhấn mạnh tầm quan trọng của chuẩn mực xã hội trong quá trình sinh viên lựa chọn nghề nghiệp (Mahammad, 2014). Do đó nếu thật sự nhận được sự trợ giúp thích hợp từ các cơ quan chức năng, sinh viên sẽ có thêm cơ hội để tự phát triển kinh doanh sau khi tốt nghiệp.

Giả thuyết 7: Hỗ trợ của Chính phủ có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

2.8. Sự tự tin về tính khả thi

Theo định nghĩa của Ajzen

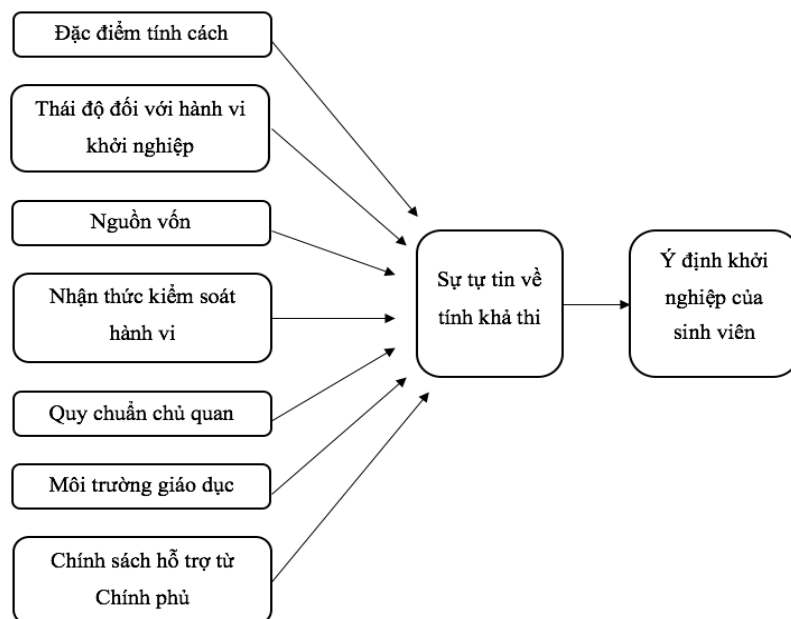
(2006), sự tự tin về tính khả thi là mức độ tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi việc, dám tự quyết định và hành động một cách đúng đắn của các cá nhân khi bắt đầu công việc kinh doanh. Khi mỗi cá nhân bắt đầu thực hiện một hành vi nào đó thì tiền đề trước tiên họ phải hình thành ý tưởng (Ajzen, 1991) mà ý tưởng kinh doanh thì luôn đi kèm với tính khả thi, hay nói cụ thể hơn là khả năng thành công của cơ hội kinh doanh đó. Mặt khác, sự chắc chắn về tính hợp lý và phù hợp dẫn đến khả năng thành công cao của ý định cũng sẽ khiến mức độ thực hiện hành vi khởi nghiệp tăng cao (Matlay và Cộng sự, 2013). Do đó có thể nhận thấy rằng việc đưa nhân tố sự tự tin về tính khả thi này vào khảo sát trong nghiên cứu này là hoàn toàn cần thiết.

Giả thuyết 8: Sự tự tin về tính khả thi có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

3. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên việc xem xét và tìm hiểu các nghiên cứu trong và ngoài nước về ý định khởi nghiệp của sinh viên, luận văn kế thừa có chọn lọc các nhân tố khảo sát từ các liên cứu liên quan như “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Nam Cần Thơ” của nhóm tác giả Nguyễn Văn Định và Cộng sự tiến hành vào năm 2020, “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tiền Giang” của Võ Văn Hiền cùng cộng sự tiến hành vào năm 2020; đồng thời căn cứ vào các lý thuyết: Lý thuyết hành vi dự định (TPB) của Ajzen vào năm 1991, Lý thuyết thể chế của

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Bảng 1: Thang đo nghiên cứu

Thang đo	Mã hoá	Biến quan sát
Đặc điểm tính cách	TC1	Bạn luôn thích trải nghiệm những điều mới
	TC2	Bạn là người có tính sáng tạo
	TC3	Bạn là người có tính tự lập, cương quyết và kiên trì
	TC4	Bạn là người dám đối mặt và vượt qua các thử thách và khó khăn
	TC5	Bạn dám đối mặt với các rủi ro trong khởi nghiệp
	TC6	Bạn muốn được mọi người biết đến và tôn trọng
	TC7	Bạn luôn cố gắng để làm tốt hơn người khác
Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp	TD1	Khởi nghiệp kinh doanh rất có sức hút với bạn
	TD2	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với bạn có lợi hơn bất lợi
	TD3	Nếu có đủ nguồn lực và điều kiện bạn sẽ khởi nghiệp
	TD4	Bạn sẽ cảm thành hài lòng nếu trở thành một doanh nhân
	TD5	Bạn đã hoặc đang có suy nghĩ nghiêm túc trong việc bắt đầu kinh doanh sau khi tốt nghiệp
	TD6	Bạn cho rằng khởi nghiệp sẽ giúp bạn có nhiều cơ hội để phát triển bản thân
	TD7	Bạn sẽ chỉ khởi nghiệp nếu bạn gặp tình trạng thất nghiệp
	TD8	Trong các định hướng nghề nghiệp khác nhau, mục tiêu của bạn là kinh doanh
	TD9	Bạn cho rằng một doanh nhân sẽ có nhiều đóng góp cho xã hội
Nhận thức kiểm soát hành vi	NTKS1	Bạn hiểu rõ ý định và năng lực của bản thân
	NTKS2	Bạn biết cần làm gì để bắt đầu một dự án kinh doanh
	NTKS3	Bạn biết cách để phát triển một doanh nghiệp
	NTKS4	Bạn nghĩ bạn hoàn toàn có thể kiểm soát được quá trình hoạt động khi khởi nghiệp
	NTKS5	Nếu cố gắng, bạn nghĩ bạn sẽ thành công khi khởi nghiệp

Quy chuẩn chủ quan	CCQ1	Nếu bạn khởi nghiệp, gia đình chắc chắn sẽ ủng hộ bạn
	CCQ2	Nếu bạn khởi nghiệp, bạn bè chắc chắn sẽ ủng hộ bạn
	CCQ3	Bạn sẽ nhận được sự hỗ trợ mọi mặt từ gia đình, người thân khi gặp các vấn đề trong quá trình khởi nghiệp
	CCQ4	Nghề nghiệp của cha mẹ và người thân ảnh hưởng đến quyết định khởi nghiệp của bạn
Nguồn vốn	NV1	Bạn có thể huy động nguồn vốn từ gia đình, người thân, bạn bè để khởi nghiệp
	NV2	Bạn có khả năng tự tích lũy nguồn vốn
	NV3	Bạn có thể huy động vốn từ các nguồn khác nhau (các tổ chức tài chính, quỹ tín dụng,...)
	NV4	Bạn có thể vay vốn từ các gói vay dành cho sinh viên khởi nghiệp ở địa phương
Môi trường giáo dục	MTGD1	Trong quá trình học tập tại trường, bạn được cung cấp đầy đủ những kiến thức cần thiết về kinh doanh
	MTGD2	Trong quá trình học tập tại trường, bạn được cung cấp đầy đủ những kỹ năng cần thiết về kinh doanh
	MTGD3	Bạn luôn được nhà trường và thầy cô khuyến khích phát triển và tham gia các cuộc thi về ý tưởng kinh doanh sáng tạo
	MTGD4	Bạn luôn được nhà trường và thầy cô tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn, các chuyên đề về khởi nghiệp kinh doanh
	MTGD5	Nhà trường thường tổ chức các buổi định hướng, gặp gỡ hay các khóa học thực tế cho sinh viên tại các doanh nghiệp
	MTGD6	Ngoài những kiến thức và kỹ năng được nhà trường cung cấp bạn cũng tự học thêm những kiến thức khác để có thể hiểu biết về kinh doanh
Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ	HT1	Bạn có hiểu biết về nhiều hoạt động khuyến khích sinh viên khởi nghiệp của Chính Phủ
	HT2	Bạn có quan tâm đến các chính sách, pháp luật và các gói hỗ trợ sinh viên vay vốn khởi nghiệp từ Chính Phủ
	HT3	Có nhiều tổ chức, cá nhân hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp ở địa phương, thành phố nơi bạn sống
	HT4	Thành Đoàn và Hội sinh viên tại trường có nhiều hoạt động hỗ trợ cho sinh viên khởi nghiệp
Sự tự tin về tính khả thi	TT1	Việc phát triển một ý tưởng kinh doanh không quá khó khăn đối với bạn
	TT2	Bạn tin rằng bạn hoàn toàn có khả năng tự kinh doanh trong tương lai
	TT3	Bạn có nhiều mối quan hệ có lợi trong quá trình tự kinh doanh
	TT4	Một trong những mục tiêu tương lai của bạn là trở thành một doanh nhân thành công
Ý định khởi nghiệp	YDKN1	Bạn nhận thấy mình có niềm đam mê với khởi nghiệp
	YDKN2	Một trong những mục tiêu nghiêm túc trong tương lai của bạn là khởi nghiệp
	YDKN3	Bạn muốn được làm chủ doanh nghiệp hơn là nhân viên
	YDKN4	Bạn luôn quan tâm đến những kiến thức về khởi nghiệp ngay khi còn là sinh viên
	YDKN5	Bạn sẵn sàng làm mọi việc cần thiết để có thể khởi nghiệp thành công
	YDKN6	Bạn không ngại bắt đầu khởi nghiệp kể cả khi bạn vẫn còn là sinh viên
	YDKN7	Nếu có cơ hội, bạn nhất định sẽ khởi nghiệp

North vào năm 1990, Lý thuyết nhận thức xã hội của Bandura vào năm 1989. Mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 07 biến độc lập: (1) đặc điểm tính cách, (2) thái độ với hành vi khởi nghiệp, (3) nguồn vốn, (4) nhận thức kiểm soát hành vi, (5) quy chuẩn chủ quan và (6) môi trường giáo dục, (7) chính sách hỗ trợ từ Chính phủ ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua biến trung gian Sự tự tin về tính khả thi.

4. Kiểm tra độ tin cậy

Sử dụng Cronbach's alpha để kiểm tra độ tin cậy các tham số ước lượng trong tập dữ liệu theo từng nhóm yếu tố trong mô hình. Những biến không đảm bảo độ tin cậy sẽ bị loại khỏi tập dữ liệu. Hệ số Cronbach's alpha cho biết mức độ tương quan giữa các biến trong Bảng câu hỏi và được dùng để tính sự thay đổi của từng biến và mối tương quan giữa những biến. Nhiều nhà nghiên cứu đã kết luận rằng hệ số Cronbach's Alpha từ mức 0.7 đến 0.8 là sử dụng được, từ 0.8 đến gần 1 thể hiện đó là một thang đo tốt (Nunnally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995; Chu Nguyễn Mộng Ngọc và Cộng sự, 2008), do đó thang đo sẽ được chọn khi hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7.

Thang đo “Đặc điểm tính cách”: Cronbach's Alpha =0.883

Thang đo “Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp”: Cronbach's Alpha =0.882

Thang đo “Nhận thức kiểm soát hành vi”: Cronbach's Alpha =0.871

Thang đo “Quy chuẩn chủ quan”: Cronbach's Alpha =0.763

Thang đo “Nguồn vốn”: Cronbach's Alpha =0.863

Thang đo “Môi trường giáo dục”: Cronbach’s Alpha =0.798

Thang đo “Chính sách hỗ trợ của Chính phủ”: Cronbach’s Alpha =0.866

Thang đo “Sự tự tin về tính khả thi”: Cronbach’s Alpha =0.861

Thang đo “Ý định khởi nghiệp”: Cronbach’s Alpha =0.896

Biến độc lập và biến trung gian

Bảng 2 cho thấy R^2 hiệu chỉnh bằng 0,552 có nghĩa là 55.2% sự biến thiên của Sự tự tin về tính khả thi được giải thích bởi sự biến thiên của 7 biến độc lập. Vì $d=2.112$ ($1 < d < 3$) $\Rightarrow$ phần dư độc lập với nhau và không có sự tương quan giữa các phần dư.

5. Biến trung gian và biến phụ thuộc

Bảng 3 cho thấy R^2 hiệu chỉnh bằng 0,542 có nghĩa là 54.2% sự biến thiên của Ý định khởi nghiệp được giải thích bởi sự biến thiên của biến trung gian. Vì $d=1.876$ ($1 < d < 3$) $\Rightarrow$ phần dư độc lập với nhau và không có sự tương quan giữa các phần dư.

6. Phân tích tương quan

Phân tích tương quan được thực hiện giữa biến phụ thuộc là ý định khởi nghiệp – YĐKN của sinh viên UEF với các biến độc lập: đặc điểm tính cách – TC, thái độ đối với hành vi khởi nghiệp – TD, nhận thức kiểm soát hành vi – NTKS, môi trường giáo dục – MTGD, nguồn vốn – NV, quy chuẩn chủ quan – CCQ và sự hỗ trợ từ Chính phủ – HT thông qua biến trung gian sự tự tin về tính khả thi – TT.

Bảng 2: Mức độ giải thích mô hình của biến sự tự tin về tính khả thi

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	,743 ^a	,552	,543	,46060	2,112

Bảng 3: Mức độ giải thích mô hình của biến ý định khởi nghiệp

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	,736 ^a	,542	,541	,43216	1,876

Bảng 4: Hệ số tương quan của các biến trong mô hình

Correlations		YDKN	TT	TC	TD	NTKS	CCQ	NV	MTGD	HT
YDKN	Pearson Correlation	1	,736**	,304**	,445**	,243**	,217**	,294**	,234**	,316**
	Sig. (2-tailed)		,000	,000	,000	,000	,000	,000	,000	,000
	N	343	343	343	343	343	343	343	343	343
TT	Pearson Correlation	,736**	1	,428**	,544**	,319**	,399**	,315**	,389**	,364**
	Sig. (2-tailed)	,000		,000	,000	,000	,000	,000	,000	,000
	N	343	343	343	343	343	343	343	343	343

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Bảng 5: Kiểm định đa cộng tuyến của biến sự tự tin về tính khả thi

Coefficients ^a							
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Cons.)	-1,358	,258		-5,273	,000		
TC	,230	,039	,229	5,883	,000	,882	1,133
TD	,341	,044	,314	7,764	,000	,818	1,223
NTKS	,122	,037	,127	3,265	,001	,890	1,123
CCQ	,141	,038	,149	3,743	,000	,847	1,181
NV	,135	,038	,136	3,546	,000	,904	1,106
MTGD	,184	,046	,160	4,020	,000	,843	1,187
HT	,188	,033	,214	5,657	,000	,935	1,070

a. Dependent Variable: TT

Bảng 6: Kiểm định đa cộng tuyến của biến ý định khởi nghiệp

Coefficients ^a							
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Cons.)	1,212	,128		9,460	,000		
TT	,690	,034	,736	20,100	,000	1,000	1,000

a. Dependent Variable: YDKN

a. Dependent Variable: TT

Kết quả Bảng 4 cho thấy khi đo lường hệ số tương quan Pearson của biến độc lập và biến phụ thuộc ở mức ý nghĩa 0.01. Do vậy, các biến này đều phù hợp mô hình phân tích hay nói cách khác sự tự tin và ý định khởi nghiệp của sinh viên chịu chi phối bởi các yếu tố như Đặc điểm tính cách, thái độ đối với hành vi, nhận thức kiểm soát hành vi, môi trường giáo dục, chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, nguồn vốn và quy chuẩn chủ quan.

7. Kết quả hồi quy

Biến độc lập và biến trung gian

Bảng 5 cho thấy các biến TC ($t = 5.883$, mức ý nghĩa = 0.000), TD ($t = 7.764$, mức ý nghĩa = 0.000), NTKS ($t = 3.265$, mức ý nghĩa = 0.001), CCQ ($t = 3.743$, mức ý nghĩa = 0.000), NV ($t = 3.546$, mức ý nghĩa = 0.000), MTGD ($t = 4.020$, mức ý nghĩa = 0.000), HT ($t = 5.657$, mức ý nghĩa = 0.000) đều có tác động ý nghĩa vì vượt qua kiểm định t và tiêu chuẩn 0.05. Như vậy hàm hồi quy tuyến tính được xác định như sau:

Hàm hồi quy tuyến tính với hệ số beta chưa chuẩn hoá:

$$TT = -1.358 + 0.230TC + 0.341TD + 0.122NTKS + 0.141CCQ + 0.135NV + 0.184MTGD + 0.188HT$$

Hàm hồi quy với số beta chuẩn hoá

$$TT = 0.229TC + 0.314TD + 0.127NTKS + 0.149CCQ + 0.136NV + 0.160MTGD + 0.214HT$$

Biến trung gian và biến phụ thuộc

Bảng 6 cho thấy các biến TT ($t = 20.100$, mức ý nghĩa = 0.000) có tác động ý nghĩa vì vượt qua

kiểm định t và tiêu chuẩn 0.05. Như vậy hàm hồi quy tuyến tính được xác định như sau:

Hàm hồi quy tuyến tính với hệ số beta chưa chuẩn hoá:

$$YDKN = 1.212 + 0.690TT$$

Hàm hồi quy với số beta chuẩn hoá

$$YDKN = 0.736TT$$

Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu được tổng hợp trong Bảng 7.

8. Kết luận

Căn cứ vào tổng quan lý thuyết, mô hình nghiên cứu đã được phát triển cho nghiên cứu này. Mô hình này đã được kiểm tra với một mẫu gồm 343 sinh tại trường đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM, giải thích được 54.2% sự biến thiên của ý định khởi nghiệp bởi sự biến thiên của 7 biến độc lập và 1 biến trung gian. Với những kết quả thu được, nghiên cứu này có những đóng góp tích cực trong thực tiễn quản lý, cụ thể như sau:

Về ý định khởi nghiệp của sinh viên tại trường đại học UEF

TP.HCM hiện nay: nghiên cứu này đã chỉ ra rằng ý định khởi nghiệp của sinh viên ở mức độ tương đối, trên mức trung bình. Như vậy, các nhà quản trị cần có những giải pháp để có thể nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên tại trường nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Về thang đo sử dụng trong nghiên cứu: Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng toàn bộ thang đo được sử dụng trong nghiên cứu là đáng tin cậy (Cronbach's Alpha > 0,7) và có thể được sử dụng cho những nghiên cứu khác.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: nghiên cứu đã chỉ ra rằng có 7 thành phần tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên từ mạnh nhất đến yếu nhất theo thứ tự sau thái độ đối với hành vi khởi nghiệp ($\beta = 0.314$), đặc điểm tính cách ($\beta = 0.229$), chính sách hỗ trợ của Chính phủ ($\beta = 0.214$), môi trường giáo dục ($\beta = 0.160$), quy chuẩn chủ quan ($\beta = 0.149$), nguồn vốn ($\beta = 0.136$) và

Bảng 7: Kết quả nghiên cứu

Giả thuyết	Kết quả	
	Sig.	Kết luận
<i>Giả thuyết 1:</i> Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,000	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 2:</i> Thái độ đối với hành vi có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,000	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 3:</i> Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,001	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 4:</i> Môi trường giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,000	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 5:</i> Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,001	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 6:</i> Nguồn vốn có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,000	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 7:</i> Hỗ trợ của Chính phủ có ảnh hưởng đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,000	Chấp nhận giả thuyết
<i>Giả thuyết 8:</i> Sự tự tin về tính khả thi có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên	0,000	Chấp nhận giả thuyết

nhận thức kiểm soát hành vi ($\beta = 0.127$). Như vậy các giả thuyết đều được chấp nhận.

Bên cạnh đó, khi đối chiếu lại với các nghiên cứu kế thừa như “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ” của nhóm tác giả Nguyễn Văn Định cùng cộng sự tiến hành vào năm 2020 và “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang” của Võ Văn Hiền cùng cộng sự tiến hành vào năm 2020, ngoại trừ đồng thuận kết luận các yếu tố như đặc điểm tính cách, môi trường giáo dục, quy chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng dương đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên thì nghiên cứu có một vài điểm khác biệt. Nghiên cứu này kết luận các yếu tố như Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp và Nguồn vốn có ảnh hưởng dương đến việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên, trái ngược với kết luận của 2 nhóm tác giả về việc cho rằng các yếu tố trên không có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, nghiên cứu đã bổ sung thêm yếu tố Chính sách hỗ trợ của Chính phủ cũng có tác động dương đến sự tự tin về tính khả thi trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên.

8.1. Đề xuất giải pháp và hàm ý quản trị

Tăng cường giáo dục tinh thần kinh doanh cho sinh viên

Đầu tiên, nhà trường nên thực hiện giáo dục tinh thần kinh doanh cho các sinh viên. Giáo dục tinh thần kinh doanh không nên nhầm lẫn với kinh tế học và các hoạt động kinh doanh



của doanh nghiệp nói chung, mà mục tiêu của nó là để thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới và tự tạo việc làm. Thực tế cho thấy rằng mặc dù có nhiều sáng kiến về giáo dục kinh doanh đang được tiến hành tại trường, tuy nhiên hầu hết trong số đó đều không được tích hợp chặt chẽ vào các học phần của chương trình giảng dạy. Vì vậy, nhà trường một mặt cần lồng ghép kiến thức thực tế vào chương trình môn học, mặt khác cần đưa chương trình tham quan thực tế doanh nghiệp hoặc các chương trình giao lưu với doanh nghiệp vào chương trình đào tạo chính quy hoặc ngoại khóa để giúp sinh viên tiếp cận thực tế nhiều hơn, giúp sinh viên hiểu hơn về thực tế hoạt động của các doanh nghiệp.

Thiết kế và xây dựng chương trình đào tạo bài bản, phù hợp, thống nhất, đề cao tính định hướng kinh doanh và khởi nghiệp kinh doanh

Tiếp theo, các khoá học phải có chương trình giảng dạy được thiết kế phù hợp với nhu cầu và năng lực của sinh viên VN. Có

thể thấy các chương trình đào tạo kỹ năng khởi nghiệp mà chúng ta thấy hiện nay cũng chỉ chủ yếu dưới dạng phong trào, bề nổi và còn nhiều hạn chế về chất lượng do đó, điều thiết yếu quan trọng nhất là nhà trường phải có một chương trình giảng dạy được thiết kế phù hợp với nhu cầu cụ thể của sinh viên, tập trung vào các kiến thức về khởi nghiệp kinh doanh như tạo ra doanh nghiệp mới, các hoạt động cần trong việc quản lý và phát triển của các doanh nghiệp, đặc biệt là các mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời nên bổ sung kiến thức liên quan như sở hữu trí tuệ, quy trình thương mại hóa, đầu tư mạo hiểm. Bởi vì chỉ biết về kiến thức kinh doanh thì chưa đủ để tăng cường các hành vi kinh doanh, hay gây ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của giới trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường nên dần chuyển đổi phương thức từ thụ động sang chủ động, giảm hết mức có thể các tiết học lý thuyết khi đào tạo về khởi nghiệp sang phương pháp dạy tiếp cận thực tiễn. Cần áp dụng rộng rãi

phương pháp dạy và học dựa trên nghiên cứu trường hợp và các dự án cụ thể, và sẽ tốt hơn nếu có sự đồng hành của các doanh nghiệp và doanh nhân.

Thành lập Vườn ươm doanh nghiệp thông qua việc thành lập viện hoặc trung tâm ươm tạo doanh nghiệp.

Cuối cùng, thành lập một trung tâm hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp thông qua việc thành lập viện hoặc trung tâm ươm tạo doanh nghiệp. Theo kết quả nghiên cứu của luận văn này, hầu hết các sinh viên tham gia khảo sát đều quan tâm các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp từ Chính phủ, địa phương hoặc trường học, có thể thấy nó là một trong những nhân tố quan trọng tác động đến ý định khởi nghiệp, đồng thời cũng tác động đến năng lực khởi nghiệp của sinh viên. Việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sẽ giúp cho ý định khởi nghiệp của sinh viên ngày càng phát triển. Ngoài ra, còn có thể xây dựng nguồn vốn hỗ trợ các dự án khởi nghiệp tiềm năng thông qua việc kêu gọi sự đóng góp từ Chính phủ, các doanh nghiệp địa phương hay thậm chí là từ thầy cô, phụ huynh và sinh viên đang theo học tại trường. Để thông qua vườn ươm doanh nghiệp, sinh viên sẽ được tư vấn, đào tạo và huấn luyện, được hỗ trợ các thủ tục thành lập doanh nghiệp, được hỗ trợ kết nối vào hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ nguồn vốn ban đầu,... Điều này sẽ giúp sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp hơn từ đó gia tăng ý định hình thành hành vi khởi nghiệp hơn.

8.2. Hạn chế

Thứ nhất, nghiên cứu này chỉ nghiên cứu về các yếu tố tác động

đến ý định khởi nghiệp của sinh viên chứ không đánh giá và xem xét nghiên cứu từ những hành động khởi nghiệp thực tế. Vì vậy, những nghiên cứu có thể chứng minh các tác nhân đó thật sự dẫn đến hành vi khởi nghiệp ở tương lai là cần thiết. Thứ hai, ngoài các yếu tố đã được xem xét trong nghiên cứu, trên thực tế còn tồn tại rất nhiều các tác nhân có thể ảnh hưởng đến việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên như nhân khẩu học, giới tính, văn hoá quốc gia, văn hoá tiêu dùng, truyền thống gia đình hay trường học. Các yếu tố trên cũng có thể dùng để xem xét, đánh giá tác động lên ý định khởi nghiệp của sinh viên ở các nghiên cứu tiếp theo. Cuối cùng là hạn chế về số lượng và phương pháp thu thập dữ liệu. Trong nghiên cứu này, thông tin dữ liệu được thực hiện qua Bảng câu hỏi bằng hình thức trả lời online với đối tượng là sinh viên tại trường UEF, tuy nhiên điều này có thể dẫn đến câu trả lời không mang tính khách quan trên phạm vi rộng do không thể lấy kết quả nghiên cứu này để đánh giá ý định khởi nghiệp của sinh viên toàn thành phố hay toàn VN. Mặt khác, số lượng sinh viên tham gia khảo sát chỉ chiếm một phần nhỏ sinh viên toàn trường do đó các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng số lượng mẫu để có cái nhìn khách quan và chính xác hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I. (1991). *The theory of planned behavior: Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211, DOI: 10.1016/0749-5978(91)90020-T.
- Bandura, A. (1986). *Social Foundations of Thought and Action: A Social Cognitive*

Theory. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.

Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất Bản Hồng Đức.

https://books.google.com.vn/books?hl=en&lr=&id=oFnWbTqgNPYC&oi=fnd&pg=PR6&dq=Institutions,+Institutional+Change+and+Economic+Performance+1990.&ots=s_mxNcEIX4&sig=etguMkJa_NgxpYJPw6tU14bEaks&redir_esc=y#v=onepage&q=Institutions%2C%20Institutional%20Change%20and%20Economic%20Performance%201990.&f=false

<https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/578>

Koe, W. L., Sa'ari, J. R., Majid, I. A., & Ismail, K. (2012). Determinants of entrepreneurial intention among millennial generation. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 40(2012), 197-208.

Lowell W. B. (2003). Entrepreneurship Research in Emergence: Past Trends and Future Directions. *Journal of Management*, 29(3), pp 286- 309.

Nguyễn Văn Định và nhóm cộng sự. (2020). *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ. HCMCOUJS-Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, 17(2), 165-181

North. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*, Cambridge University Press, 1990,

Phương Nga. (2021). *Khởi nghiệp trong trường học: Ý tưởng nhiều, sản phẩm ít*. <https://kinhtedothi.vn/khoi-nghiep-trong-truong-hoc-y-tuong-nhieu-san-pham-it.html>

Võ Văn Hiền và nhóm cộng sự. (2020). *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tiền Giang*.

Vũ Long. (2022). *Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp lớn cho nền kinh tế*. <https://laodong.vn/kinh-doanh/doanh-nghiep-nho-va-vua-dong-gop-lon-cho-nen-kinh-te-1024647.lido>